

Số: *935* /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *23* tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024;

Văn bản thẩm định số 1152/STC-HĐTĐGD ngày 05/3/2021 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh về việc quyết định giá đất để tính tiền bồi thường đất khi



Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 227/TTr-STNMT ngày 12 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung sau:

1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất định giá

a) Mục đích định giá đất: Xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

b) Các thông tin về khu đất định giá:

Diện tích đất định giá: Với diện 65.689,2 m².

Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị (ODT), đất trồng cây lâu năm (CLN, LNC, LNK), cây hàng năm (BHK, LUC, LUK), đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD), đất nuôi trồng thủy sản (NTS, TSN).

Vị trí khu đất: Theo tờ trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 2556/2009 gồm 6 tờ: tờ 1, 2, 3, 4, 5, 6, tỷ lệ 1/500, do Trung tâm kỹ thuật địa chính - Nhà đất Đồng Nai thực hiện ngày 2/12/2009 và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai kiểm tra nội nghiệp ngày 3/12/2009.

2. Phê duyệt kết quả định giá đất

Giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, như sau:

Số TT	Tên tài sản	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m ²)
I	Đất ở đô thị phường Thống Nhất			
1	Đất ở đô thị đường Võ Thị Sáu đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Phạm Văn Thuận	Vị trí 1 (từ mốc lộ giới đến mét thứ 50)	ODT	50.286.000
		Vị trí 2 (đường nhựa, bê tông)	ODT	21.395.000
		Vị trí 2 (đường đất, đường đá cấp phối)	ODT	17.116.000
		Vị trí 3 (đường nhựa,	ODT	16.655.000

Số TT	Tên tài sản	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m ²)
		bê tông)		
		Vị trí 3 (đường đất, đường đá cấp phối)	ODT	13.324.000
		Vị trí 4 (đường nhựa, bê tông)	ODT	13.201.000
		Vị trí 4 (đường đất, đường đá cấp phối)	ODT	10.561.000
2	Đất ở đô thị đường Nguyễn Thành Đồng	Vị trí 1 (từ mốc lộ giới đến mét thứ 50)	ODT	41.325.000
		Vị trí 2 (đường nhựa, bê tông)	ODT	20.400.000
		Vị trí 2 (đường đất, đường đá cấp phối)	ODT	16.320.000
		Vị trí 3 (đường nhựa, bê tông)	ODT	15.872.000
		Vị trí 3 (đường đất, đường đá cấp phối)	ODT	12.698.000
		Vị trí 4 (đường nhựa, bê tông)	ODT	12.544.000
		Vị trí 4 (đường đất, đường đá cấp phối)	ODT	10.035.000
3	Đất ở đô thị đường D9	Vị trí 1 (từ mốc lộ giới đến mét thứ 50)	ODT	41.325.000
		Vị trí 4 (đường nhựa, bê tông)	ODT	12.544.000
		Vị trí 4 (đường đất, đường đá cấp phối)	ODT	10.035.000
4	Đất ở đô thị đường N1	Vị trí 2 (đường nhựa, bê tông)	ODT	20.400.000
		Vị trí 2 (đường đất, đường đá cấp phối)	ODT	16.320.000
		Vị trí 3 (đường nhựa, bê tông)	ODT	15.872.000
		Vị trí 3 (đường đất, đường đá cấp phối)	ODT	12.698.000
II	Đất nông nghiệp phường Thông Nhất			



Số TT	Tên tài sản	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m ²)
1	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm đường Võ Thị Sáu đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Phạm Văn Thuận	Vị trí 1 (từ mốc lộ giới đến mét thứ 50)	CLN, BHK, LUK, LUC	5.141.000
		Vị trí 2		3.215.000
		Vị trí 3		2.448.000
		Vị trí 4		2.222.000
2	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm đường Nguyễn Thành Đồng	Vị trí 1 (từ mốc lộ giới đến mét thứ 50)	CLN, BHK, LUK, LUC	3.155.000
		Vị trí 2		2.661.000
		Vị trí 3		2.330.000
		Vị trí 4		2.104.000
3	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm đường D9	Vị trí 4	CLN, BHK, LUK, LUC	2.104.000
4	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm đường N1	Vị trí 2	CLN, BHK, LUK, LUC	2.661.000
		Vị trí 3		2.330.000
		Vị trí 4		2.104.000
5	Đất nuôi trồng thủy sản đường Nguyễn Thành Đồng	Vị trí 3	NTS, TSN	2.330.000
III	Đất nghĩa trang nghĩa địa phường Thống Nhất			
1	Đất nghĩa trang, nghĩa địa đường Nguyễn Thành Đồng	Vị trí 3	NTD	6.740.000
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa đường D9	Vị trí 4	NTD	4.434.000

3. Việc xác định vị trí từng thửa đất để tính tiền bồi thường được thực hiện theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024.

Điều 2. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và Điều 80, Điều 81 Luật Đất đai năm 2013, UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Biên Hòa tính toán lập phương án bồi thường về đất theo quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS, PVB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *h. l. l. g*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



and
Võ Tấn Đức

UNQ